

Số: 1273 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III (đá xây dựng) thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (Đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3846/TTr-SNNMT-TNNKS ngày 10 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản nhóm III (đá xây dựng) thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Đợt 1) (Chi tiết tại Phụ lục và Bản đồ kèm theo).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan thực hiện tham mưu cấp phép hoạt động khai khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định đối với các khu vực nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thường Tân, xã Phú Giáo, xã

Minh Thạnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- TTUB: CT, PCT (BMT);
- VPUB: CVP, PCVP/ĐT;
- Trung tâm Công báo;
- Phòng ĐT (PTP/NHT);
- Lưu: VT, (Hn/ĐT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Minh Thạnh



PHỤ LỤC:

**KHU VỰC KHOANH ĐỊNH KHÔNG ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN NHÓM III (ĐÁ XÂY DỰNG) THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP
CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (ĐỢT 1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày .05. tháng .3. năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Khu vực khoanh định	Loại khoáng sản	Giấy phép khoáng sản đã cấp	Địa điểm	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 107 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰)			Diện tích (ha)	Độ sâu khoanh định	Tiêu chí khoanh định
1	Mỏ đá xây dựng Thường Tân III	Đá xây dựng	Giấy phép khai thác khoáng sản số 78/GP-UBND ngày 09/9/2019	Xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		46,3	Cote - 120m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1219-884	622-076			
					2	1220-220	622-194			
					3	1220-277	622-734			
					4	1220-286	622-796			
					5	1219-691	623-052			
					6	1219-669	622-984			
					7	1219-607	622-436			
2	Mỏ đá xây dựng Thường Tân IV	Đá xây dựng	- Giấy phép khai thác khoáng sản số 77/GP-UBND ngày 06/9/2019.	Xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		69,3	Cote - 120m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1219-697	623-069			
					2	1219-960	623-429			
					3	1219-856	623-469			

STT	Khu vực khoanh định	Loại khoáng sản	Giấy phép khoáng sản đã cấp	Địa điểm	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3 ⁰)			Diện tích (ha)	Độ sâu khoanh định	Tiêu chí khoanh định
			- Quyết định số 1762/QĐ- UBND ngày 20/6/2025		4	1220-140	623-996			
					5	1220-234	624-000			
					6	1220-494	623-570			
					7	1220-573	623-472			
					8	1220-709	623-485			
					9	1220-721	623-477			
					10	1220-696	623-325			
					11	1220-754	623-228			
					12	1220-860	623-279			
					13	1220-812	623-081			
					14	1220-740	623-167			
					15	1220-646	623-119			
					16	1220-609	623-083			
					17	1220-591	623-113			
					18	1220-528	623-090			
					19	1220-306	622-772			
					20	1220-288	622-810			
					21	1220-286	622-796			
					22	1219-691	623-052			

STT	Khu vực khoanh định	Loại khoáng sản	Giấy phép khoáng sản đã cấp	Địa điểm	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰)			Diện tích (ha)	Độ sâu khoanh định	Tiêu chí khoanh định
3	Mỏ đá xây dựng Thường Tân V	Đá xây dựng	Giấy phép khai thác khoáng sản số 182/GP- UBND ngày 26/10/2015	Xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		32,4	Cote - 120m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1221-631	622-019			
					2	1221-630	622-674			
					3	1221-516	622-673			
					4	1221-479	622-592			
					5	1221-312	622-544			
					6	1221-283	622-469			
					7	1221-171	622-424			
					8	1221-162	622-430			
					9	1221-142	622-422			
					10	1221-003	622-495			
11	1221-004	622-018								
4	Mỏ đá xây dựng Thường Tân VIII	Đá xây dựng	Giấy phép khai thác khoáng sản số 03/GP- UBND ngày 09/01/2020	Xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		30,23	Cote - 120m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1222-385	624-133			
					2	1222-541	624-302			
					3	1221-763	625-149			
					4	1221-579	624-956			
					5	1221-558	624-934			
					6	1221-966	624-518			
					7	1221-988	624-538			

STT	Khu vực khoanh định	Loại khoáng sản	Giấy phép khoáng sản đã cấp	Địa điểm	Tọa độVN 2000 (Kinh tuyến trục 107 ^o 45', múi chiều 3 ^o)			Diện tích (ha)	Độ sâu khoanh định	Tiêu chí khoanh định
5	Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ I-A	Đá xây dựng	Giấy phép khai thác khoáng sản số 266GP- UBND ngày 16/12/2016	Xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		36,86	Cote - 120m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1223-082	620-940			
					2	1222-865	621-164			
					3	1222-831	621-230			
					4	1222-673	621-220			
					5	1222-588	621-308			
					6	1223-063	621-780			
7	1223-498	621-350								
6	Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ I-B	Đá xây dựng	Giấy phép khai thác khoáng sản số 134/GP- UBND ngày 28/8/2015	Xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		40,96	Cote - 120m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1223-082	620-940			
					2	1222-865	621-164			
					3	1222-831	621-230			
					4	1222-673	621-220			
					5	1222-588	621-308			
					6	1222-186	620-911			
					7	1222-351	620-767			
					8	1222-335	620-521			
					9	1222-478	620-528			
					10	1222-650	620-513			

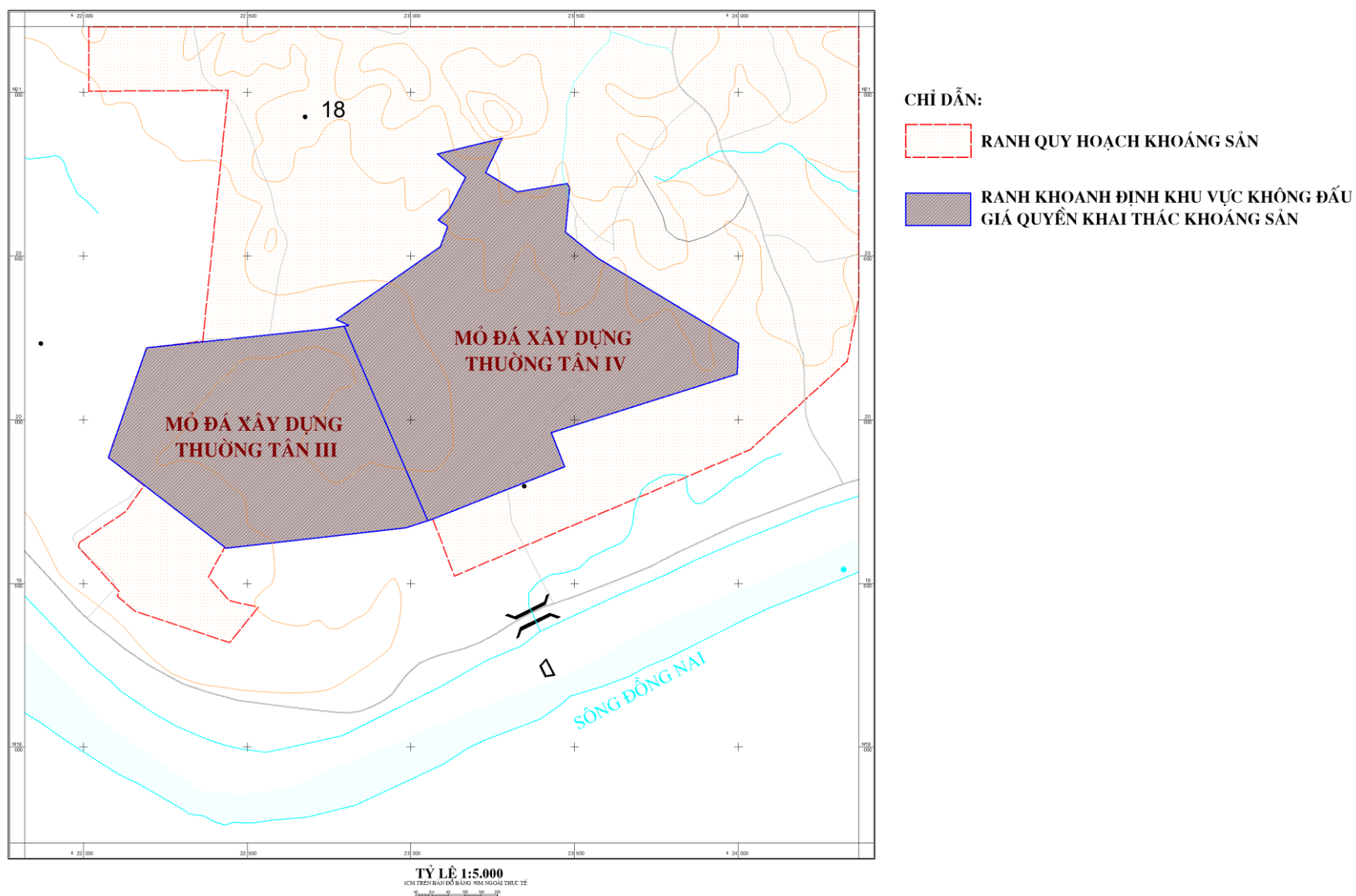
STT	Khu vực khoanh định	Loại khoáng sản	Giấy phép khoáng sản đã cấp	Địa điểm	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3 ^o)			Diện tích (ha)	Độ sâu khoanh định	Tiêu chí khoanh định
7	Mỏ đá xây dựng Tân Mỹ II	Đá xây dựng	Giấy phép khai thác khoáng sản số 34/GP- UBND ngày 11/6/2025		Điểm góc	Tọa độ		40,406	Cote - 120m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1223-074	622-322			
					2	1222-665	622-480			
					3	1222-399	622-401			
					4	1222-461	621-770			
8	Mỏ đá xây dựng Rạch Rạt	Đá xây dựng	Giấy phép khai thác khoáng sản số 61/GP- UBND ngày 21/6/2019	Xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		37,3	Cote - 70m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1251-334	621-605			
					2	1251-457	621-550			
					3	1251-379	621-316			
					4	1251-401	621-134			
					5	1251-281	621-099			
					6	1251-219	621-173			
					7	1251-054	621-153			
					8	1250-981	621-264			
					9	1250-882	621-204			
					10	1250-760	621-505			
					11	1250-663	621-613			
					12	1250-624	621-722			
					13	1250-665	621-769			

STT	Khu vực khoanh định	Loại khoáng sản	Giấy phép khoáng sản đã cấp	Địa điểm	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰)			Diện tích (ha)	Độ sâu khoanh định	Tiêu chí khoanh định
					14	1250-664	621-868			
					15	1250-850	622-075			
					16	1250-964	621-954			
					17	1251-119	621-735			
					18	1250-965	621-648			
					19	1251-031	621-438			
					20	1251-200	621-513			
9	Mỏ đá xây dựng Minh Hòa	Đá xây dựng	Quyết định số 3786/QĐ- UBND ngày 24/12/2024	Xã Minh Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Điểm góc	Tọa độ		16	Cote - 30m	Theo khoản 3 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ
						X (m)	Y (m)			
					1	1266-454	575-082			
					2	1266-277	575-274			
					3	1266-687	575-767			
					4	1266-841	575-573			
					5	1266-671	575-325			



**BẢN ĐỒ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
KHU VỰC MỎ ĐÁ XÂY DỰNG THƯỜNG TÂN III VÀ MỎ ĐÁ XÂY DỰNG THƯỜNG TÂN IV
THUỘC XÃ THƯỜNG TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

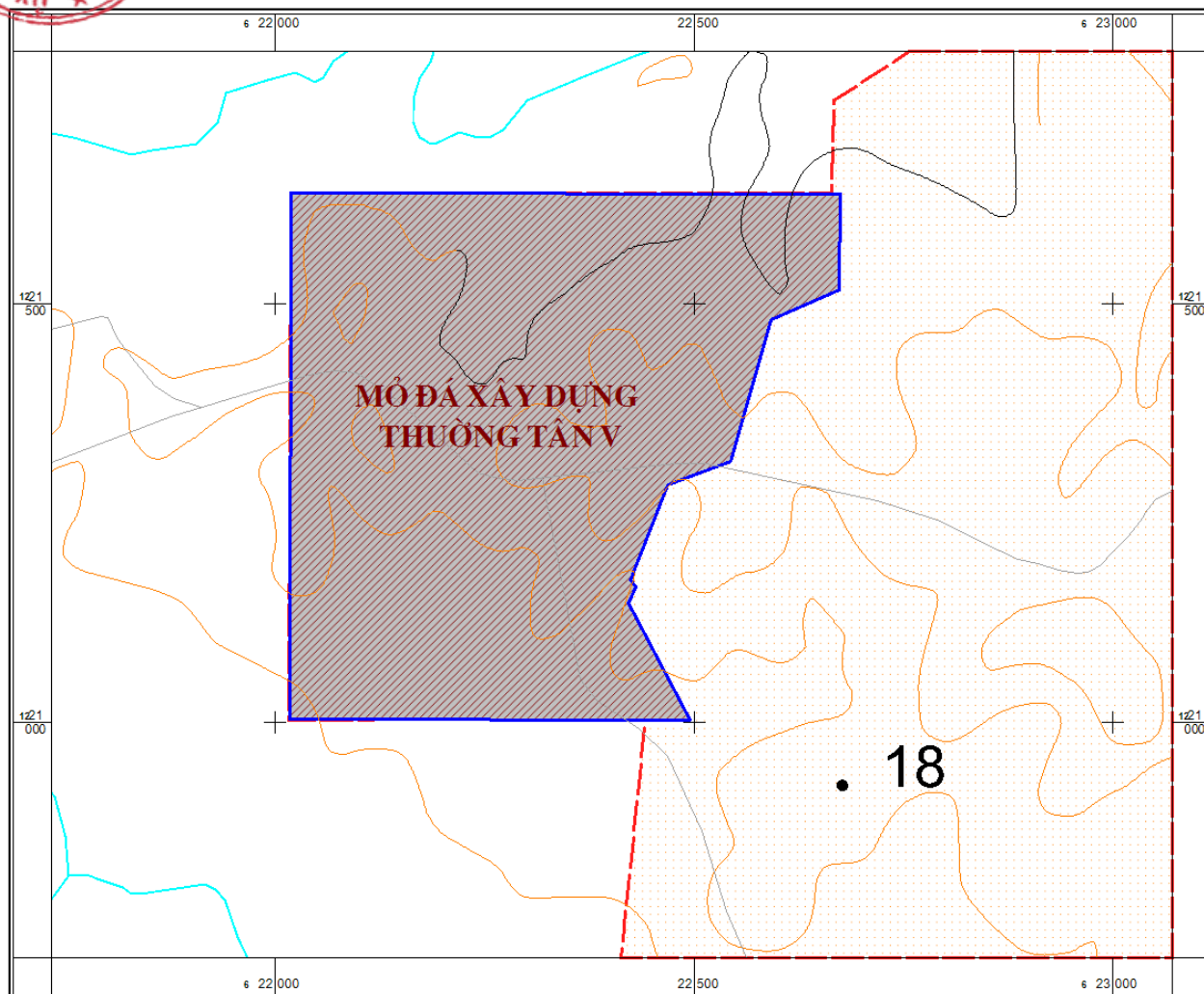
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 05. tháng 3. năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)





**BẢN ĐỒ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
KHU VỰC MỎ ĐÁ XÂY DỰNG THƯỜNG TÂN V THUỘC XÃ THƯỜNG TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 05. tháng 3. năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)



CHỈ DẪN:



RANH QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN



**RANH KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU
GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

TỶ LỆ 1:5.000

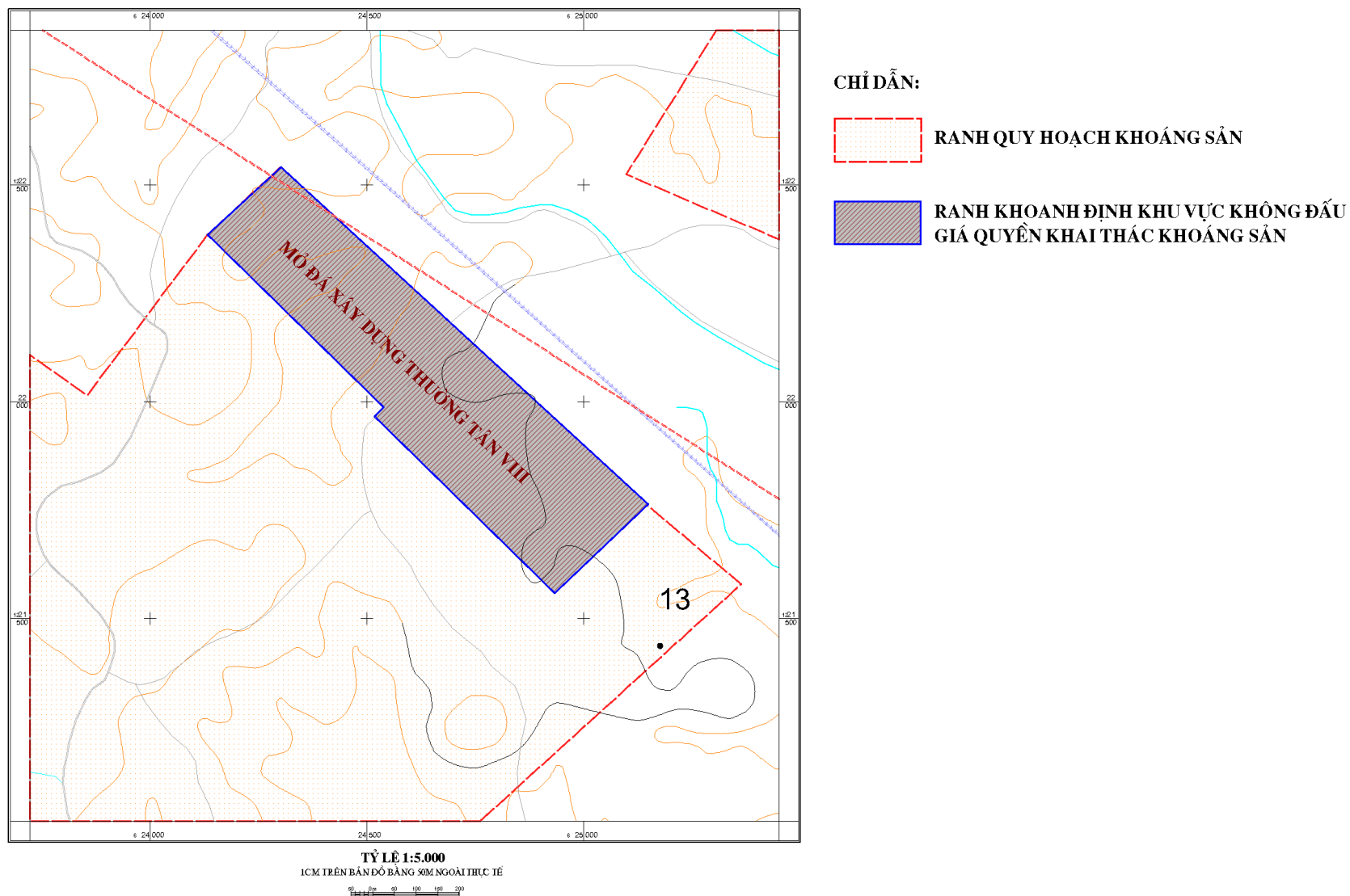
1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 50M NGOÀI THỰC TẾ





**BẢN ĐỒ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
KHU VỰC MỎ ĐÁ XÂY DỰNG THƯỜNG TÂN VIII THUỘC XÃ THƯỜNG TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

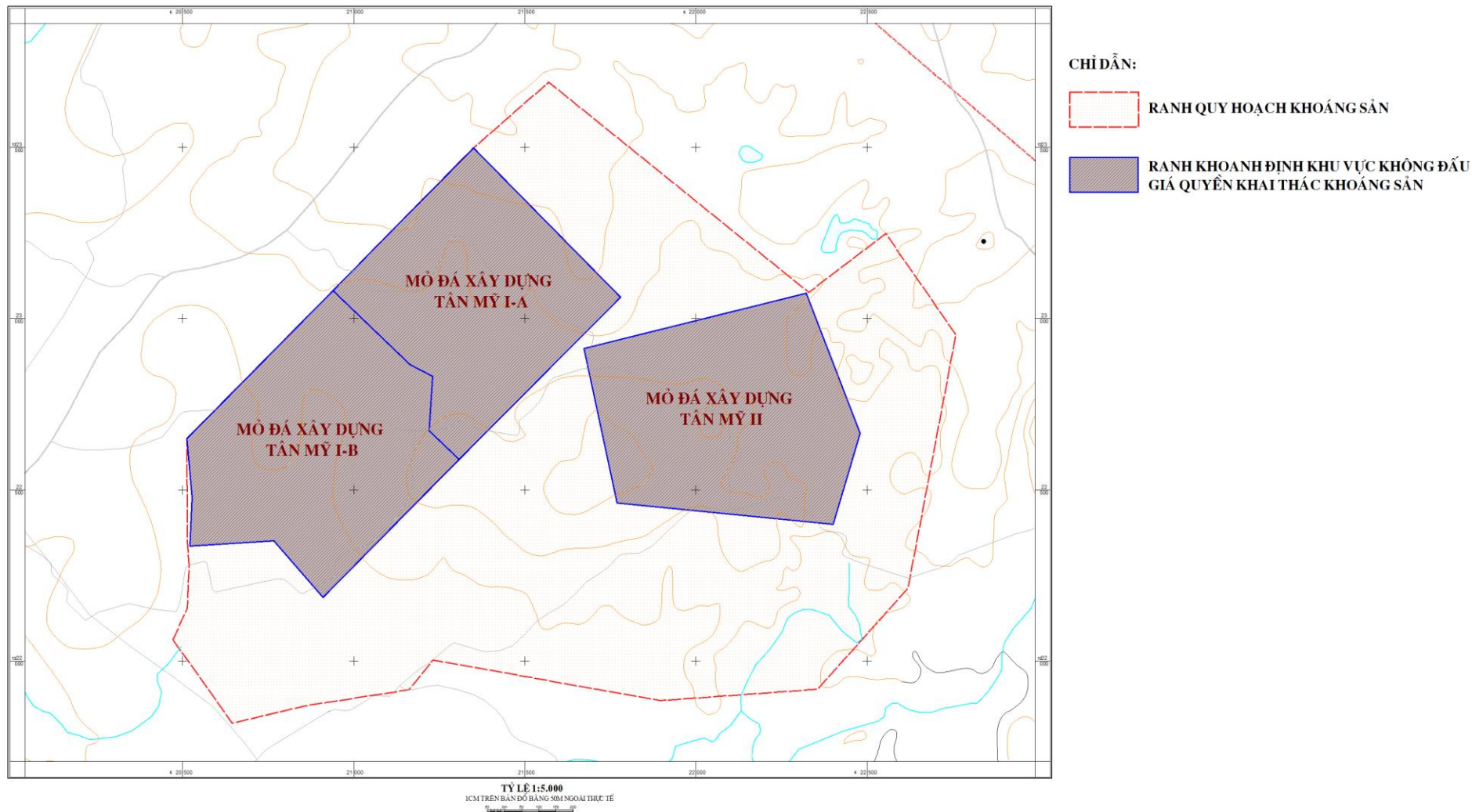
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày .05. tháng .3. năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)





**BẢN ĐỒ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
KHU VỰC MỎ ĐÁ XÂY DỰNG TÂN MỸ I-A, MỎ ĐÁ XÂY DỰNG TÂN MỸ I-B VÀ MỎ ĐÁ XÂY DỰNG TÂN MỸ II
THUỘC XÃ THƯỜNG TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

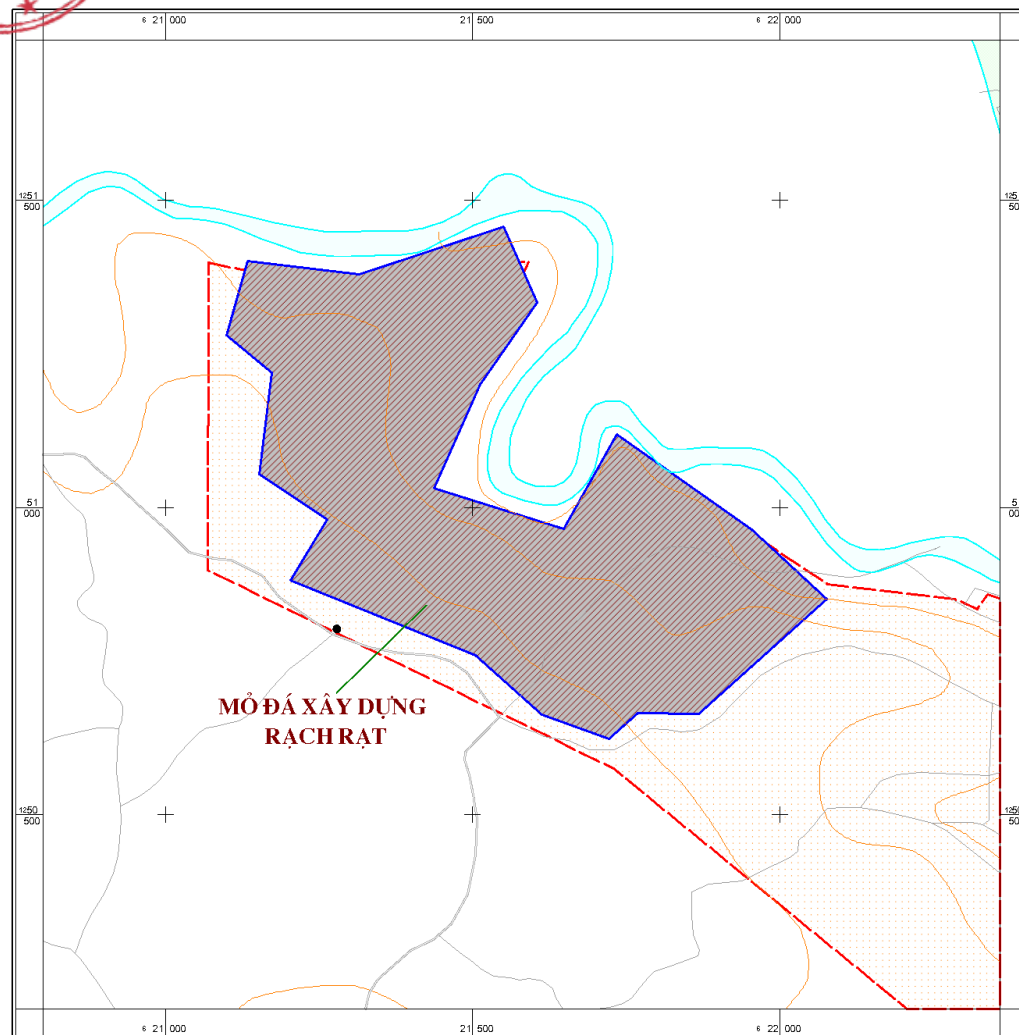
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày .05. tháng .3. năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)





BẢN ĐỒ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN KHU VỰC MỎ ĐÁ XÂY DỰNG RẠCH RẠT THUỘC XÃ PHÚ GIÁC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày .05. tháng .3. năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)



CHỈ DẪN:

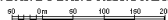


RANH QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN



**RANH KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU
GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

TỶ LỆ 1:5.000
1CM TRÊN BẢN ĐỒ BẰNG 50M NGOÀI THỰC TẾ





**BẢN ĐỒ KHOANH ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
KHU VỰC MỎ ĐÁ XÂY DỰNG MINH HÒA THUỘC XÃ MINH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày .05. tháng .3. năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

